

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG VẠN MINH QUANG

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG VẠN MINH QUANG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY TNHH TM DV VÀ XD VẠN QUANG MINH

2. Mã số doanh nghiệp: 1301084005

3. Ngày thành lập: 19/11/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 143/1, đường 30/4, Phường 4, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Điện thoại: 0913886781

Fax:

Email: vanquangminhbt@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh Chi tiết: Sản xuất dầu dừa dưỡng da, xà phòng từ dầu dừa, sữa tắm từ dầu dừa.	2023
2.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa Chi tiết: Trồng hoa, cây cảnh.	0118
3.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
4.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
5.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
6.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
7.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
8.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
9.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
10.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ hóa chất mang tính độc hại mạnh, hóa chất sử dụng trong nông nghiệp, hóa chất pháp luật cấm kinh doanh).	4669
11.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
12.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
13.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
14.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
15.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
16.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
17.	Xây dựng nhà không để ở	4102
18.	Xây dựng công trình điện	4221

19.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
20.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc Chi tiết: Thi công xây lắp các công trình viễn thông công cộng: móng BTS, trụ anten, cáp quang	4223
21.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
22.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
23.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
24.	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: lắp đặt hệ thống điện, đường dây tải điện và trạm điện đến 110KV	4321
25.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
26.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
27.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
28.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
29.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, ký gửi các thiết bị điện trung - hạ thế.	4610
30.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn hoa và cây.	4620
31.	Bán buôn đồ uống	4633
32.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện. - Bán buôn, xuất nhập khẩu dầu dừa dưỡng da, xà phòng từ dầu dừa, sữa tắm từ dầu dừa.	4649
33.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện).	4659
34.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
35.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
36.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn về môi trường. Tư vấn về công nghệ.	7490
37.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê nhà trạm BTS, trụ anten, hạ tầng viễn thông cho các mạng di động, viễn thông.	7730
38.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
39.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
40.	Sửa chữa thiết bị điện	3314

41.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
42.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
43.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
44.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
45.	Bốc xếp hàng hóa	5224
46.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
47.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
48.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn đồng, nhôm, sắt, thép, tole	4662
49.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
50.	Ghi chú: Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN VIẾT DŨNG	259A, ấp 1, Xã Sơn Đông, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam	334.000.000	33,400	320767539	
2	VÕ HOÀNG TRUNG KIÊN	ấp Thanh Sơn 2, Xã Thanh Tân, Huyện Mỏ Cày Bắc, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam	333.000.000	33,300	321000008	
3	TRẦN THỊ CẨM LOAN	Số 89C1, khu phố 6, Phường Phú Khương, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam	333.000.000	33,300	321082626	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VIỆT DŨNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *28/04/1972*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *320767539*

Ngày cấp: *05/08/2014*

Nơi cấp: *Công an Bến Tre*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *259A, ấp 1, Xã Sơn Đông, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *259A, ấp 1, Xã Sơn Đông, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bến Tre*